Số: 1279/BC-UBND
Thời gian ký: 03/10/2024 10:10:47 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

(kèm báo cáo số 1279 /BC-UBND ngày *03* tháng *10* năm 2024
Về Tình hình kinh tế-xã hội 9 tháng đầu năm, ước cả năm 2024
Và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024			Năm 2024				Kế hoạch năm 2025
					Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	So kế hoạch năm 2024(%)	So cùng kỳ năm 2023 (%)	Ước thực hiện năm 2024	So với kế hoạch năm 2024 (%)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	So mục tiêu (đạt, không đạt)	
A	**KINH TẾ**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
I	**NGÂN SÁCH**											
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	11.656.886.764	13.748.210	11.578.846.380	84,22	109	13.748.210	100	142	Đạt	100
2	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	6.068.256.949	13.748.210	7.948.917.403	57,81	56,74	13.748.210	100	124,14	Đạt	100

	Trong đó: Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng										
II	**ĐẦU TƯ**											
3	Tổng vốn huy động đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng										
4	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tư nguồn vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng										
5	Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN do Thành phố quản lý											
	Số Dự án	Dự án										
	Tổng vốn	Tỷ đồng										
III	**DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ**											
6	Số Doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp										

	Tổng số vốn đăng ký	Tỷ đồng										
7	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã										
B	**XÃ HỘI**											
I	**DÂN SỐ**											
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,55	<1	0,44		0,55	<1	100	0,65	Đạt	<1
2	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/số bé gái			43/46							
II	**LAO ĐỘNG**											
3	Số người lao động có việc làm trong năm	Người	220	450	399	88,66	48,8	450	100	110,2	Đạt	450
4	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%										
	Trong đó: có bằng, chứng chỉ	%										
5	Tổng số lao động được đào tạo nghề	Người										
6	Số lao động đi làm việc có thời hạn	Người	5	10	13/10	130	62,5	Vượt	Vượt	100	Vượt	

	ở nước ngoài theo hợp đồng trong năm											
III	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**											
7	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 6 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%	100	100	100		100	100	100	100	Đạt	100
8	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	100	100		100	100	100	100	Đạt	100
9	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học	%		100	100		100	100	100	100	Đạt	100
	Tiểu học	%	100	100	100		100	100	100	100	Đạt	100
	Trung học cơ sở	%		100	100		100	100	100	100	Đạt	100
	Trung học phổ thông	%	100	100	100		100	100	100	100	Đạt	100
10	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	100	Đạt	100
IV	**Y TẾ**											

11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%										
	Cân nặng theo tuổi	%	9,48	9,48	9,48		9,49	9,49	9,49	9,49	Đạt	
	Chiều cao theo tuổi	%		12,21								
12	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%		100								
13	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%		93,8	12.440/12.507		92,36	93,8	99,46	98,34	Vượt	
14	Tỷ lệ Trạm y tế phường có bác sĩ làm việc	%	100	100	100	100	100	100	100	100	Đạt	
V	**MỨC SÓNG DÂN CƯ**											
15	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%										
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,57	<1,27			78,5	<1,27	<1,27			
	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%		1,85								
	Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm phần trăm										
16	Tỷ lệ dân số đô thị	%	100	100	100	100	100					

	được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung											
17	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	4.865	>95								
C	**MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ**											
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%										
2	Tỷ lệ chất thải rắn snh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%										
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%		>95								
D	**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**											
1	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp	Điểm										

	địa phương (DDCI)											
	Xếp hạng	Hạng										
2	Chỉ số cải cách hành chính (Par index)	Điểm										
	Xếp hạng	Hạng	9									
3	Tỷ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%		100								
	Xếp hạng	Hạng										
E	**QUỐC PHÒNG – AN NINH**											
1	Tuyển quân	%		100	11		11	11	11	11	Đạt	
2	Tỷ lệ tin tố giác, tin báo tội phạm được tiếp nhận, xử lý theo quy định	%		>=80	16							
3	Tỷ lệ điều tra khám phá phạm pháp hình	%		>=95	0							

	sự trong năm											
4	Tỷ lệ điều tra án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	%		>=95	0							